

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/HSST**

Ngày: 18/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Cúc Phương
2. Ông Hồ Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/TLST- HS ngày 25 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn S.** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1980; tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản C, phường Th, thành phố Đ, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không; Con ông Lò Văn T và con bà Tòng Thị L. Bị cáo có 06 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ thứ nhất là Lò Thị H (đã ly hôn), vợ thứ hai là: Lò Thị D (đã chết). Hiện bị cáo chung sống như vợ chồng với Lương Thị L. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lò Văn S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 10/02/2020 đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố Điện Biên Phủ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Thị T.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 09/02/1974; tại tỉnh N. Nơi đăng ký HKTT: Xã Nam Thái, huyện Nam Trực, tỉnh N. Nơi ở: Đội C4, xã Th, huyện Đ, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Thu mua phế liệu. Trình độ văn hóa: 3/12 phổ thông. Con ông Bùi Văn Câu và con bà Vũ Thị Hoài. Bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Quyền. Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo Bùi Thị T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08/4/2020 đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố Điện Biên Phủ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Công ty Cổ phần đường bộ 2 ĐB; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường H, thành phố Đ, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh T2 - Chức vụ Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Văn K** - chức vụ Đội trưởng đội quản lý đường bộ 2; Địa chỉ: Đội 19, xã Th, huyện Đ, tỉnh B (có mặt);

2. Công ty Cổ phần đường bộ 226; Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường H, thành phố Đ, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Ngô Thị Tám** - sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

*** Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Lương Thị L** – Sinh năm 1966; Địa chỉ: Bản Chiềng KHng, thị trấn TG, tỉnh B (vắng mặt);

2. Ông **Khúc Văn Ch** – Sinh năm 1971; Địa chỉ: Đội 3, xã TL, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

3. Bà **Nguyễn Thị Ng** – Sinh năm 1993; Địa chỉ: Đội C4, xã Th, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 12 giờ ngày 07/02/2020, Lò Văn S điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 27Z1 – 090.70 của anh Lò Văn D từ nhà đến khu vực tổ 01, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, mục đích trộm cắp tấm chắn rác của Công ty cổ phần đường bộ 2 ĐB, đặt trên mặt cống thoát nước của đường. Quan sát thấy đường vắng người, S dựng xe ở lề đường, luồn ngón tay qua các khe thoát nước, dùng hai tay nhấc tấm chắn rác bằng gang có kích thước 86 x 43 cm, khối lượng 58 kg, trị giá 2.100.000 đồng, để lên yên xe rồi chở đi tiêu thụ, khi đi đến khu vực tổ 05, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ thì bị tổ công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ phát hiện, thu giữ vật chứng cùng phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Cơ quan điều tra chứng minh làm rõ ngoài lần phạm tội trên, S còn trộm cắp 42 tấm chắn rác của Công ty cổ phần đường bộ 2 ĐB và 03 tấm của Công ty cổ phần đường bộ 226, đem bán để lấy tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân. S bán cho Bùi Thị T thu mua phế liệu tổng số 25 tấm, trong đó có 21 tấm mua sau T biết rõ đó là tài sản do S trộm cắp nhưng vì hám L, T vẫn mua, cụ thể:

Vào khoảng 19 giờ ngày 16/01/2020, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27Z1 – 090.70 ra trung T thành phố Điện Biên Phủ, mục đích trộm cắp tấm chắn rác. Khi đi đến khu vực gần Quảng trường 7/5 thuộc tổ 7, phường M, thành phố Đ, S dựng xe cạnh đường, với phương thức thủ đoạn như trên, S lấy được 01 tấm chắn rác của Công ty cổ phần đường bộ 226, kích thước 01m x 0,3m, dày 05 cm, khối lượng 52,5 kg có trị giá 2.295.000 đồng mang xuống cửa hàng thu mua sắt vụn ở đội C4, xã Th, huyện Điện Biên bán cho Bùi Thị T được 230.000 đồng.

Khoảng 19 giờ ngày 17/01/2020, S tiếp tục khu vực gần Quảng trường 7/5 thuộc tổ 7, phường M, thành phố Đ, lấy trộm 01 tấm song chắn rác có kích thước 01 x 0,3m, dày 05cm, khối lượng 52,5 kg và 01 tấm kích thước 40 x 30cm, khối lượng 23,5 kg, có tổng trị giá 2.436.000 đồng, mang bán cho T được 340.000 đồng.

Từ ngày 09/4/2019 đến tháng 8/2019, S nhiều lần sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM New Angel biển kiểm soát 27F3 – 6394 của mình, đến Quốc lộ 12, thuộc phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, trộm cắp tổng số 42 tấm song chắn rác bằng gang đặc điểm giống nhau, đều có kích thước 86cm x 43cm, phân dày nhất 5cm, khối lượng mỗi tấm 58 kg có tổng trị giá 88.312.000 đồng, đặt trên mặt cống thoát nước của Công ty cổ phần quản lý đường bộ 2 ĐB. Sau khi trộm cắp được S mang bán cho T 22 tấm song chắn rác với giá 4.500 đồng/01 kg. Trong đó 04 tấm đầu S bán T không biết đó là tài sản do S trộm cắp, 18 tấm sau T tìm hiểu biết rõ là tài sản trộm cắp nhưng vẫn mua, sau đó đã bán lại cho người đi thu mua phế liệu không quen biết, với giá 5.000 đồng/01 kg thu L 522.000 đồng.

Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp S đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết. Số tiền thu L bất chính T đã chi tiêu hết.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 44/CT - VKSNDTPĐBP ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để xét xử bị cáo Lò Văn S về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Bùi Thị T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn S từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại (Công ty cổ phần đường bộ 226) có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn người bị hại thể hiện: Đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo S bồi thường gì thêm. Công ty Cổ phần đường bộ 2 ĐB yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại cho Công ty trị giá tài sản bị cáo S trộm cắp là 88.312.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội không oan sai, các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền L nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian từ 09/4/2019 đến tháng 02/2020 trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, Lò Văn S đã nhiều lần lén lút bí mật chiếm đoạt tổng số 46 tấm chắn rác của Công ty cổ phần quản lý đường bộ 2 ĐB và Công ty cổ phần đường bộ 226, có tổng trị giá 95.143.000 đồng.

Sau khi trộm cắp Lò Văn S đã mang bán cho Bùi Thị T 25 tấm song chắn rác, trong đó có 21 tấm trị giá 42.531.000 đồng, T biết rõ là do phạm tội mà có nhưng vẫn mua rồi bán lại cho người khác thu L 522.000 đồng.

Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo Lò Văn S và hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Bùi Thị T là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Hành vi của bị cáo S và giá trị tài sản bị cáo trộm cắp đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

... c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

Hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo T và giá trị tài sản do bị cáo tiêu thụ đã phạm vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lò Văn S về tội: Trộm cắp tài sản; Bị cáo Bùi Thị T về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Qua phân xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội là do thiếu ý thức chấp hành pháp luật.

Đối với bị cáo Lò Văn S: Ngày 29/6/2012, S bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Ngày 09/9/2014, S bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng, đến ngày 12/8/2016 chấp hành xong về địa phương sinh sống.

Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo S có nhân thân xấu, bị cáo đã được đưa đi giáo dục bắt buộc nhưng không tiến bộ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Bùi Thị T: Bị cáo biết rõ tài sản S bán là tài sản trộm cắp mà có nhưng vì động cơ kinh tế, bị cáo đã mua tài sản trộm cắp của S nhiều lần. Vì vậy đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Căn cứ các quy định của pháp luật và sau khi xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng có thể cải tạo bị cáo thành người công dân tốt và

cũng thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nên HĐXX áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo S không nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với bị cáo T: Theo quy định tại khoản 5 Điều 323/BLHS, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xong xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty cổ phần đường bộ 2 DB đã nhận được một phần tài sản do bị cáo S trộm cắp của Công ty, yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại giá trị tài sản 88.312.000 đồng cho Công ty. Xét thấy yêu cầu của Công ty đường bộ 2 DB là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Công ty cổ phần đường bộ 226 đã nhận lại tài sản do bị cáo S trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy HĐXX không đề cập đến.

[5] Các vấn đề khác: Cơ quan điều tra đã tạm giữ của các bị cáo 04 tấm chăn rách; 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 27Z1 – 090.70 của anh D, anh D không biết bị cáo S dùng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu. Việc xử lý của Cơ quan Điều tra là đúng với quy định pháp luật. Vì vậy HĐXX không đề cập xử lý.

Xử lý vật chứng: Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe máy SYM New Angel biển kiểm soát 27F3 – 6394 của bị cáo S dùng làm phương tiện việc phạm tội và số tiền 522.000 đồng do bị cáo T thu lời bất chính.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lò Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn S 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (10/02/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 08/4/2020 đến ngày 18/6/2020 là: 02 tháng 10 ngày tạm giam, quy đổi thành 7 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo T còn phải thi hành 05 (*năm*) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Điện Biên, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh B nhận được quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Bùi Thị T nếu bị cáo không bị giam về tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần đường bộ 2 ĐB giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 88.312.000 đồng.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 522.000 đồng do T thu lời bất chính; 01 xe máy SYM New Angel biển kiểm soát 27F3 – 6394 của bị cáo S dùng làm phương tiện việc phạm tội (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2020 giữa Công an thành phố Điện Biên Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do người bị hại và bị cáo thỏa thuận được về mức bồi thường nên bị cáo S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, bị hại, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan (có mặt)

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2020); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền L nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh DB;
- Cơ quan CS điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh DB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám